TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ TÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2017/DS-ST
Ngày 21/7/2017
V/v tranh chấp hợp đồng đầu tư trồng và mua bán mía nguyên liệu

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Lâm**;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Lý Thanh Phong**;

Ông **Nguyễn Văn Châu**;

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Tuấn Hòa** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà **Triệu Thị Mộng Lý** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2017/TLST-DS ngày 18 tháng 01 năm 2017, về tranh chấp hợp đồng đầu tư trồng và mua bán mía nguyên liệu, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2017/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Công ty trách nhiệm hữu hạn Mía Đường Cồn L.M.P**;

Địa chỉ trụ sở: Khu vực A, phường T, TX. L, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Hà Minh T**; địa chỉ làm việc: Khu vực A, phường T, TX. L, tỉnh Hậu Giang; là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 19 tháng 01 năm 2017). (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông **Tăng Văn D;**

Địa chỉ cư trú: Ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 01 năm 2017 của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Mía Đường Cồn L.M.P và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Hà Minh T trình bày:

Vào ngày 10 tháng 3 năm 2015, Công ty trách nhiệm hữu hạn Mía Đường Cần L.M.P (gọi tắt là Công ty L.M.P) với ông Tăng Văn D có ký Hợp đồng đầu tư trồng và mua bán mía nguyên liệu vụ niên vụ 2015 - 2016. Hợp đồng có xác nhận của chính quyền địa phương vào ngày 02 tháng 6 năm 2015. Theo hợp đồng, Công ty L.M.P đầu tư cho ông D số tiền mặt là 20.000.000 đồng để trồng 04 ha mía. Ngược lại, khi đến vụ thu hoạch mía, ông D phải bán mía cho Công ty và hoàn trả tiền vốn đầu tư (bao gồm gốc và lãi). Thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 30 tháng 11 năm 2015. Thực hiện hợp đồng, vào ngày 13 tháng 7 năm 2015, Công ty L.M.P đã chi cho ông D số tiền là 20.000.000 đồng. Tuy nhiên, đến vụ mía 2015 - 2016, ông D không bán mía cho Công ty L.M.P mà bán cho thương lái bên ngoài, đồng thời cũng không trả nợ. Đến ngày 25 tháng 8 năm 2016, Công ty L.M.P và ông D có lập biên bản xác nhận nợ. Trong biên bản xác nhận nợ, ông D xin được trả nợ tiền mặt, thời hạn trả nợ là đến ngày 30 tháng 12 năm 2016, trả dứt điểm một lần, nếu không trả nợ đúng thời hạn cam kết thì phải chịu lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày nhận tiền đầu tư đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm. Tuy nhiên, sau đó ông D cũng không thực hiện như đã cam kết. Vì vậy, Công ty L.M.P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông D trả lại số tiền đầu tư là 20.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày nhận tiền đầu tư (tức ngày 13 tháng 7 năm 2015) cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Trong biên bản lấy lời khai của Tòa án vào ngày 27 tháng 6 năm 2017 và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Tăng Văn D trình bày:

Ông thừa nhận ông có ký hợp đồng đầu tư trồng và mua bán mía nguyên liệu với Công ty L.M.P nhưng không nhớ ngày tháng năm nào. Sau khi ký hợp đồng, Công ty L.M.P đã chi cho ông số tiền 20.000.000 đồng. Đến vụ mía, Công ty L.M.P không mua mía của ông, ông phải bán mía cho thương lái bên ngoài, làm cho ông bị thua lỗ. Nay ông cũng đồng ý trả cho Công ty L.M.P số tiền đầu tư đã nhận là 20.000.000 đồng, nhưng xin được trả bằng mía nguyên liệu, còn tiền lãi thì ông không đồng ý.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với các yêu cầu khởi kiện của Công ty L.M.P, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận và buộc ông D trả cho Công ty L.M.P số tiền đầu tư trồng mía là 20.000.000 đồng, tiền lãi chậm trả tính từ ngày 30 tháng 12 năm 2016 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Hội đồng xét xử nhận thấy, theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty L.M.P thì, giữa nguyên đơn với bị đơn là ông D có ký kết hợp đồng đầu tư trồng và mua bán mía nguyên liệu. Sau khi ký kết hợp

đồng, nguyên đơn đã đầu tư tiền cho bị đơn trồng mía, nhưng đến khi thu hoạch mía thì bị đơn không bán mía cho nguyên đơn mà bán mía cho thương lái bên ngoài và cũng không trả lại tiền đầu tư cho nguyên đơn. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại tiền đầu tư và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Bị đơn thì cho rằng do nguyên đơn không mua mía nên bị đơn mới bán mía cho thương lái bên ngoài. Như vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng dân sự đầu tư trồng và mua bán mía nguyên liệu, chứ không phải là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản (tiền) như Tòa án xác định khi thụ lý vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên cho phù hợp với nội dung tranh chấp.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng dân sự đầu tư trồng và mua bán mía nguyên liệu theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và bị đơn có địa chỉ cư trú ở ấp P, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty L.M.P về việc yêu cầu bị đơn là ông D trả lại tiền đầu tư trồng mía 20.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại biên bản lấy lời khai của Tòa án vào ngày 27 tháng 6 năm 2017 và tại phiên tòa, ông D cũng thừa nhận ông có ký kết hợp đồng đầu tư trồng và mua bán mía nguyên liệu với Công ty L.M.P, đã nhận tiền đầu tư trồng mía là 20.000.000 đồng và đến nay chưa hoàn trả. Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *"Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh"*. Như vậy, ông D đã ký kết hợp đồng đầu tư trồng và mua bán mía nguyên liệu với Công ty L.M.P, đã nhận tiền đầu tư 20.000.000 đồng đến nay chưa hoàn trả là có thật.

[4] Theo hợp đồng đầu tư trồng và mua bán mía nguyên liệu mà hai bên đã ký kết vào ngày 10 tháng 3 năm 2015, Hội đồng xét xử nhận thấy: Điều 2 của Hợp đồng có nêu một trong những trách nhiệm của bên B (tức bên ông D), đó là hoàn trả đầy đủ vốn đầu tư (cả gốc và lãi) cho bên A (tức bên Công ty L.M.P) theo thời gian cam kết. Nếu vi phạm bên B phải chịu lãi suất quá hạn theo luật kinh doanh thương mại. Theo Điều 1 của Hợp đồng thì ông D phải hoàn trả vốn cho Công ty L.M.P hạn cuối là vào ngày 30 tháng 11 năm 2015. Tuy nhiên, đến thời hạn này thì ông D không thực hiện nghĩa vụ hoàn trả vốn đầu tư. Đến ngày ngày 25 tháng 8 năm 2016, hai bên có lập biên bản xác nhận nợ với sự xác nhận của chính quyền địa phương. Theo biên bản này, ông D xin trả nợ cho Công ty L.M.P bằng tiền mặt 20.000.000 đồng, trả dứt điểm một lần vào ngày 30 tháng 12 năm 2016, nếu không trả nợ đúng thời hạn cam kết thì phải chịu lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày nhận tiền đầu tư đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm. Tuy nhiên, từ khi đến hạn trả nợ cho đến nay thì ông D vẫn chưa hoàn trả tiền đầu tư cho Công ty L.M.P. Ông D cho rằng, khi đến hạn thu hoạch mía, Công ty L.M.P không mua mía của ông, ông phải bán mía cho thương lái bên ngoài, dẫn đến bị thua lỗ; còn người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thì không thừa nhận những lời phản đối của bị đơn. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự có quy định: *"Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó"*. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án cho đến tại phiên tòa, bị đơn không cung cấp được cho Tòa án bất kỳ tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh Công ty L.M.P không mua mía của bị đơn theo hạn thỏa thuận, dẫn đến bị đơn bán cho thương lái bên ngoài bị thua lỗ. Vì vậy, lời phản đối của phía bị đơn là không có căn cứ.

[5] Điều 290 Bộ luật Dân sự 2005, cũng như Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015 đều quy định: *"1. Nghĩa vụ trả tiền phải thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận. 2. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác."*. Như vậy, ông D phải có nghĩa vụ hoàn trả tiền đầu tư trồng mía cho Công ty L.M.P là 20.000.000 đồng.

[6] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty L.M.P, về việc yêu cầu bị đơn là ông D trả tiền lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày nhận tiền đầu tư (ngày 13 tháng 7 năm 2015) đến ngày xét xử sơ thẩm. Hội đồng xét xử nhận thấy: Khoản 2 Điều 305 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định: *"Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán"*, còn Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì quy định: *"1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. 2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này"*. Theo biên bản xác nhận nợ lập ngày 25 tháng 8 năm 2016 thì hai bên có thỏa thuận, hạn trả nợ cuối cùng của ông D là vào ngày 30 tháng 12 năm 2016. Do đó, lãi suất chậm trả tiền chỉ phát sinh và được tính từ ngày này, còn hai bên thỏa thuận lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ tính từ ngày nhận tiền đầu tư là không phù hợp với quy định nêu trên.

[7] Như vậy, ông D phải trả tiền lãi cho Công ty L.M.P do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền như sau:

- Từ ngày 30 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 02 ngày. Theo khoản 2 Điều 305 Bộ luật Dân sự năm 2005 nêu trên thì tính theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố là 9%/năm, bằng 0,75%/tháng, cụ thể: 20.000.000 đồng x 0,75%/tháng x 02 ngày = 10.000 đồng.

- Từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 21 tháng 7 năm 2017) là 06 tháng 20 ngày. Theo Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 nêu trên thì lãi suất tính theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này là 10%/năm, bằng 0,83%/tháng, cụ thể: 20.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 06 tháng 20 ngày = 1.106.660 đồng.

- Tổng cộng tiền lãi là 1.116.660 đồng.

[8] Từ những phân tích trên, Hội đồng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty L.M.P, buộc ông D trả cho Công ty L.M.P tiền vốn đầu tư trồng mía là 20.000.000 đồng, tiền lãi chậm trả tiền là 1.116.660 đồng, tổng cộng là 21.116.660 đồng.

[9] Tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[10] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Công ty Long Mỹ Phát được chấp nhận nên theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 21.116.660 đồng x 5% = 1.055.833 đồng, còn Công ty L.M.P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[11] Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án là Công ty L.M.P cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án là ông D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 290, khoản 2 Điều 305 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 280, Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Công ty trách nhiệm hữu hạn Mía Đường Cồn L.M.P. Buộc ông Tăng Văn D trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Mía Đường Cồn L.M.P tiền vốn đầu tư trồng mía 20.000.000 đồng, tiền lãi chậm trả 1.116.660 đồng, tổng cộng là 21.116.660 đồng (Hai mươi mốt triệu một trăm mười sáu nghìn sáu trăm sáu mươi đồng).

2. Án phí:

- Ông Tăng Văn D phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 1.055.833 đồng (Một triệu không trăm năm mươi lăm nghìn tám trăm ba mươi ba đồng).

- Công ty trách nhiệm hữu hạn Mía Đường Cồn L.M.P được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 0004211 ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền,

hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoàng Lâm